

QUY TẮC BẢO HIỂM KẾT HỢP XE CƠ GIỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3166/QĐ-PHH ngày 06/11/2012 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV)

Quy tắc bảo hiểm này áp dụng cho các nghiệp vụ bảo hiểm Xe cơ giới không mang tính chất bắt buộc của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (gọi tắt là “BIC”) đã được Bên mua bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “chủ xe”) lựa chọn và tự nguyện tham gia bảo hiểm.

Trên cơ sở chủ xe yêu cầu bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận, BIC nhận bảo hiểm cho chủ xe theo các điều kiện quy định trong Quy tắc này gồm các loại hình bảo hiểm sau:

- Bảo hiểm vật chất xe;
- Bảo hiểm tai nạn Lái xe, Phụ xe và Người ngồi trên xe;
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hàng hóa vận chuyển trên xe;

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô, bao gồm:

1. Quy tắc bảo hiểm xe ô tô: Là điều khoản quy định quyền lợi, trách nhiệm của Chủ xe, BIC và được BIC cấp khi Chủ xe yêu cầu.
2. Giấy yêu cầu bảo hiểm (theo mẫu): Để Chủ xe yêu cầu bảo hiểm và thiết lập Hợp đồng bảo hiểm. Là một bộ phận cấu thành và không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm. Khi yêu cầu bảo hiểm, Chủ xe phải kê khai đầy đủ và trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.
3. Giấy chứng nhận bảo hiểm: Được BIC cấp cho Chủ xe, là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm và được điều chỉnh theo Quy tắc này.
4. Hợp đồng bảo hiểm (nếu có): là văn bản được ký kết giữa BIC và chủ xe, được điều chỉnh theo Quy tắc này.
5. Các điều khoản bảo hiểm bổ sung cho Hợp đồng: Là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm được thỏa thuận bổ sung nếu Chủ xe có yêu cầu.
6. Các thỏa thuận khác được lập thành văn bản giữa Chủ xe và BIC.

Điều 2: Hiệu lực bảo hiểm

1. Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Mặc dù BIC đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm, nhưng trách nhiệm bảo hiểm của BIC chỉ phát sinh kể từ thời điểm chủ xe đã đóng đủ phí bảo hiểm (trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc bằng văn bản).
3. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm và hai bên không có thỏa thuận bằng văn bản về việc gia hạn nộp phí thì Hợp đồng bảo

hiêm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực vào ngày kế tiếp ngày bên mua phải đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm, theo đúng các quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm;

Trường hợp Hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt hiệu lực bảo hiểm theo điểm trên nhưng sau đó chủ xe đóng phí bảo hiểm và yêu cầu tiếp tục được bảo hiểm các xe của mình, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động khôi phục kể từ thời điểm BIC nhận đủ phí đến hạn theo Hợp đồng bảo hiểm, BIC sẽ không có trách nhiệm bồi thường đối với các tổn thất xảy ra tính từ ngày Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết tự động chấm dứt hiệu lực trước thời hạn đến thời điểm BIC nhận đủ phí bảo hiểm đến hạn theo quy định của Hợp đồng.

Điều 3: Chuyển quyền sở hữu

Trong thời hạn còn hiệu lực ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe mà chủ xe cũ không có yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng thì quyền lợi bảo hiểm liên quan đến chiếc xe được bảo hiểm vẫn còn hiệu lực đối với chủ xe mới.

Trường hợp chủ xe cũ không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho chủ xe mới thì BIC sẽ hoàn phí cho chủ xe cũ theo quy định tại Điều 4 dưới đây.

Điều 4: Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 15 (mười lăm) ngày. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm, nếu bên nhận được thông báo không có ý kiến gì thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên được hủy bỏ:

1. Trường hợp chủ xe yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng:
 - 1.1. BIC sẽ hoàn lại cho chủ xe 80% phí bảo hiểm của thời gian còn lại kể từ ngày hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, BIC sẽ không hoàn lại phí bảo hiểm trong trường hợp Hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm liên quan đến chiếc xe yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và đã được BIC chấp nhận bồi thường.
 - 1.2. Trường hợp chủ xe không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm thì khi yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng chủ xe vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm theo biểu phí quy định của BIC.
2. Trường hợp BIC yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm thì BIC sẽ hoàn lại toàn bộ số phí bảo hiểm của thời gian còn lại trong Hợp đồng cho chủ xe.

Trường hợp chủ xe không đóng đủ phí bảo hiểm trong thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm thì khi hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm, BIC vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ xe khi sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian gia hạn đóng phí và chủ xe có trách nhiệm phải đóng đủ phí bảo hiểm cho hết thời gian gia hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 5: Phí bảo hiểm và mức trách nhiệm bảo hiểm

Phí bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm, Mức trách nhiệm bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm xe cơ giới được thỏa thuận và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của BIC trong một vụ tai nạn không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm (hoặc số tiền bảo hiểm) ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và không vượt quá số tiền thực tế chủ xe phải sửa chữa lại thiệt hại.

Điều 6: Trách nhiệm của chủ xe, lái xe

1. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.
2. Khi tai nạn giao thông xảy ra, chủ xe, lái xe phải có trách nhiệm:
 - 2.1. Tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn, đồng thời phải báo ngay cho cơ quan Công an và BIC nơi gần nhất để phối hợp giải quyết hậu quả tai nạn.
 - 2.2. Thông báo bằng văn bản cho BIC trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn (trừ khi có lý do chính đáng cho việc thông báo chậm).

Trường hợp xe bị mất, bị cướp thì chủ xe (hoặc lái xe) phải báo ngay cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc và trong vòng 24 giờ phải thông báo bằng văn bản cho BIC.
 - 2.3. Không được di chuyển, tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến của BIC, trừ trường hợp làm như vậy là cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại cho người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
3. Chuyển quyền yêu cầu bồi thường liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (không áp dụng cho Chương III).

Trường hợp tổn thất xảy ra do lỗi của người khác gây ra thì chủ xe phải bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho BIC kèm theo toàn bộ chứng từ cần thiết và hợp tác chặt chẽ với BIC đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã được BIC bồi thường.
4. Chủ xe, lái xe phải trung thực trong việc thu thập và cung cấp các thông tin tai nạn, các tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực các tài liệu, chứng từ đó.
5. Trường hợp chủ xe thay đổi mục đích sử dụng xe hoặc cải tạo, nâng cấp làm thay đổi giá trị của xe, trong vòng 15 (mười lăm) ngày trước khi thay đổi, chủ xe phải thông báo bằng văn bản cho BIC biết để điều chỉnh phí bảo hiểm cho phù hợp theo quy định tại Biểu phí bảo hiểm.

Nếu chủ xe, lái xe không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trên đây thì BIC có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường tương ứng với thiệt hại do lỗi của chủ xe, lái xe gây ra.

Điều 7: Trách nhiệm của BIC

1. Giải thích cho chủ xe về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền lợi và trách nhiệm của chủ xe khi tham gia bảo hiểm.
2. Hướng dẫn chủ xe, lái xe thu thập hồ sơ khiếu nại bồi thường bảo hiểm khi có tổn thất xảy ra.
3. Phối hợp chặt chẽ với chủ xe, lái xe và Cơ quan chức năng để giải quyết tai nạn.
4. Giải quyết khiếu nại bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ khi nhận hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ và không kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp

BIC không đủ thẩm quyền để xác minh hồ sơ thì trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền về nội dung cần xác minh của vụ tai nạn, BIC sẽ trả tiền bồi thường theo phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.

5. Giải thích bằng văn bản về lý do khi từ chối bồi thường cho khách hàng.
6. Đối với những vụ tai nạn nghiêm trọng, BIC sẽ phối hợp giải quyết ngay từ ban đầu và khi xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tai nạn.

Điều 8: Giám định tai nạn

Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, mọi tổn thất liên quan đến đối tượng bảo hiểm đều được BIC hoặc người được BIC ủy quyền tiến hành giám định trực tiếp với sự có mặt của chủ xe, lái xe hoặc người đại diện hợp pháp nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Chi phí giám định tổn thất do BIC chịu nếu thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

Trường hợp BIC và chủ xe không thống nhất được về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì sẽ trung cầu giám định viên độc lập để tiến hành giám định. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được việc trung cầu giám định viên độc lập thì một trong hai bên yêu cầu Tòa án tại nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của chủ xe chỉ định giám định viên độc lập. Kết luận của giám định viên độc lập có giá trị bắt buộc đối với hai bên.

Đối với những tổn thất ước tính thiệt hại dưới 05 (năm) triệu đồng mà BIC hoặc người đại diện không có điều kiện giám định trực tiếp hoặc không có biên bản tai nạn của Công an thì chủ xe phải cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 9: Loại trừ bảo hiểm chung

Thiệt hại xảy ra trong những trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

1. Hành động cố ý gây tai nạn, gây thiệt hại của chủ xe, lái xe hoặc của người được giao quản lý và sử dụng xe hoặc của người bị thiệt hại;
2. Xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ hoặc có nhưng không hợp lệ;
3. Tại thời điểm xảy ra tai nạn, lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe;
4. Lái xe sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác mà pháp luật cấm sử dụng; có nồng độ cồn, rượu, bia vượt quá quy định của pháp luật hiện hành.
5. Xe vận chuyển hàng trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng theo quy định của pháp luật.
6. Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); Chạy thử sau khi sửa chữa.
7. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đi ngược chiều của đường một chiều, chuyển hướng xe tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ, xe đi đêm không có đủ đèn chiếu sáng theo quy định.
8. Xe chở vượt quá tải/số chỗ ngồi được ghi tại Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải Cục đăng kiểm Việt Nam cấp là nguyên nhân trực tiếp gây

ra tai nạn hoặc xe chở vượt quá 20% mức trọng tải/số chỗ ngồi theo quy định. Các trường hợp khác sẽ áp dụng giảm trừ/chế tài theo Điều 4 – Điều 10.

9. Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như: Giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại, những thiệt hại mang yếu tố tinh thần, thiệt hại không do tai nạn trực tiếp gây ra.
10. Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: Kim loại quý, đá quý (dạng nguyên thủy hoặc đã tinh chế), tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, tượng nghệ thuật, thi hài, hài cốt, chất nổ, chất phóng xạ (trừ khi có thỏa thuận khác).
11. Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (trừ trường hợp có thỏa thuận riêng, chủ xe nộp thêm phụ phí bảo hiểm và được BIC chấp nhận bằng văn bản).
12. Khủng bố, chiến tranh và các nguyên nhân tương tự như: nội chiến, bạo loạn, đình công.
13. Ngoài ra BIC có thể từ chối một phần hoặc toàn bộ Số tiền bảo hiểm mà lẽ ra BIC phải trả nếu Người được bảo hiểm cung cấp thông tin không trung thực, đầy đủ nhằm mục đích trục lợi bảo hiểm.

Các điểm loại trừ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 không áp dụng đối với Chương III (trừ tai nạn đối với lái xe)

Điều 10: Mức giảm bồi thường

BIC sẽ giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí bảo hiểm thực nộp và số phí phải nộp theo quy định, trong các trường hợp sau:

1. Chủ xe kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai làm việc định phí bảo hiểm thấp hơn so với quy định.
2. Chủ xe không khai báo rủi ro gia tăng để bổ sung phí bảo hiểm như chuyển đổi mục đích sử dụng, cải tạo, nâng cấp làm tăng giá trị xe...
3. Mức miễn thường có khấu trừ (nếu có).
4. Áp dụng giảm trừ/chế tài số tiền bồi thường trong trường hợp xe chở vượt quá mức trọng tải/số chỗ ngồi dưới 20%. Mức giảm trừ/chế tài theo tỷ lệ quá tải/số chỗ ngồi tương ứng.

Điều 11: Bảo hiểm trùng (không áp dụng đối với Chương III)

Trường hợp cùng một đối tượng bảo hiểm được bảo hiểm theo nhiều Hợp đồng bảo hiểm (Giấy chứng nhận bảo hiểm) khác nhau thì việc giải quyết bồi thường và phân chia bồi thường theo nguyên tắc sau:

1. Số tiền bồi thường được xác định trên cơ sở quy đổi các Hợp đồng bảo hiểm thành một Hợp đồng bảo hiểm quy ước có số tiền bảo hiểm (mức trách nhiệm) bằng tổng số tiền bảo hiểm (mức trách nhiệm) ghi trên tất cả các Hợp đồng bảo hiểm, và việc tính số tiền bồi thường này được áp dụng theo:
 - a. Chương II trong trường hợp bảo hiểm vật chất xe.
 - b. Chương IV trong trường hợp bảo hiểm trách nhiệm dân sự Chủ xe đối với hàng hóa trên xe.

- c. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba ở mức tự nguyện sẽ được tính toán như quy định tại Quy tắc bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của Bộ Tài chính và quy định của Quy tắc này.
2. Việc phân chia số tiền bồi thường trên mỗi Hợp đồng bảo hiểm được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm trên mỗi Hợp đồng bảo hiểm với tổng số tiền bảo hiểm ghi trên tất cả các Hợp đồng bảo hiểm.
3. Những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Hợp đồng bảo hiểm (nếu có) thì được giải quyết độc lập theo từng Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 12: Hồ sơ bồi thường

Hồ sơ yêu cầu bồi thường bao gồm các giấy tờ sau:

1. Thông báo tai nạn và Giấy yêu cầu bồi thường của chủ xe cơ giới (theo mẫu do BIC cung cấp).
2. Bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc của nhân viên BIC các giấy tờ sau:
 - 2.1. Giấy chứng nhận bảo hiểm.
 - 2.2. Giấy phép lái xe hợp lệ (đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe).
 - 2.3. Giấy chứng nhận đăng ký xe.
 - 2.4. Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hợp lệ.
3. Bản sao bộ hồ sơ tai nạn (có xác nhận của Công an nơi thụ lý tai nạn) gồm:
 - 3.1. Sơ đồ hiện trường tai nạn giao thông.
 - 3.2. Biên bản khám nghiệm hiện trường.
 - 3.3. Biên bản khám nghiệm xe liên quan tới tai nạn giao thông.
 - 3.4. Biên bản giải quyết tai nạn giao thông.
 - 3.5. Kết luận điều tra tai nạn.
4. Biên bản hòa giải (trong trường hợp hòa giải).
5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).
6. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có).
7. Biên bản giám định thiệt hại (nếu có).
8. Các chứng từ xác định thiệt hại do tai nạn:
 - 8.1 Đối với thiệt hại về vật chất xe (Chương II):

Các chứng từ hợp lệ xác định chi phí hợp lý: thuê bảo vệ, cầu kéo xe, sửa chữa khắc phục xe hoặc hồ sơ, chứng từ xác định giá trị xe (nếu cần), biên bản mất xe có xác nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền (trường hợp bị mất xe).
 - 8.2. Đối với thiệt hại về người (Chương III):

Các chứng từ y tế xác định tình trạng thương tích của nạn nhân như: Giấy ra viện, Sổ y bạ hoặc phiếu khám bệnh, Giấy chứng thương, bản đọc X-quang, phim chụp (nếu có), Giấy chứng tử (trường hợp chết),

Giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp (trường hợp chết), Giấy ủy quyền hợp pháp trong trường hợp ủy quyền.

8.3 Đối với thiệt hại về hàng hóa (Chương IV):

8.3.1 Bản chính Hợp đồng vận chuyển (hoặc bản sao do cán bộ BIC xác nhận), hóa đơn nhận hàng xuất kho kèm theo bảng kê chi tiết hàng hóa, phiếu ghi trọng lượng, số lượng hàng hóa. Các chứng từ thể hiện các chi phí cần thiết và hợp lý quy định tại Điều 26.

8.3.2 Khiếu nại yêu cầu bồi thường của Chủ hàng.

Điều 13: Thời hạn khiếu nại, bồi thường và giải quyết tranh chấp

1. Thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.
2. BIC có trách nhiệm xem xét và giải quyết bồi thường trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ về yêu cầu trả tiền bồi thường và không kéo dài quá 30 ngày trong trường hợp phải xác minh hồ sơ.
3. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của BIC là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày chủ xe nhận được thông báo bồi thường của BIC. Quá thời hạn nêu trên BIC sẽ không giải quyết khiếu nại.
4. Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là 03 (ba) năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp (theo Điều 30 Luật Kinh doanh bảo hiểm).

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa BIC và chủ xe sẽ được đưa ra cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết tranh chấp.

Điều 14: Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi BIC bồi thường tổn thất toàn bộ tài sản hoặc bộ phận tài sản bị hư hỏng phải thay thế do hậu quả trực tiếp của việc sử dụng chiếc xe được bảo hiểm gây ra, thì toàn bộ tài sản hoặc bộ phận tài sản đó thuộc quyền sở hữu của BIC; hoặc BIC sẽ thu hồi giá trị còn lại sau khi đã trừ đi các khoản chi phí thu hồi theo tỷ lệ giữa số tiền bồi thường và thiệt hại thực tế của tài sản (trường hợp bảo hiểm dưới giá trị, bảo hiểm trùng hoặc có sự tham gia bồi thường của bên thứ ba).

Đối tượng tài sản thuộc quyền sở hữu của BIC sau khi bồi thường bảo hiểm:

- Trong bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với bên thứ ba: Tài sản hoặc một phần tài sản bị thiệt hại của bên thứ ba;
- Trong bảo hiểm vật chất xe: Các bộ phận xe bị hư hỏng được thay thế, xác xe tai nạn sau khi bồi thường bảo hiểm toàn bộ, xe tìm thấy sau khi mất cắp, mất tích, bị cướp.
- Trong bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hàng hóa chở trên xe: Hàng hóa hư hỏng được bồi thường bảo hiểm.

Điều 15: Điều khoản thỏa thuận bổ sung

Ngoài những quy định trong Quy tắc này, trường hợp chủ xe có yêu cầu mở rộng phạm vi bảo hiểm hoặc thu hẹp phạm vi bảo hiểm để được giảm phí bảo hiểm thì BIC sẽ xem xét theo từng yêu cầu cụ thể và có thể chấp nhận trên cơ sở thỏa thuận bổ sung bằng văn bản giữa chủ xe và BIC.

CHƯƠNG II

BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE

Điều 16: Phạm vi bảo hiểm

BIC bồi thường cho chủ xe những thiệt hại vật chất xe xảy ra do những tai nạn bất ngờ, ngoài sự kiểm soát của chủ xe, lái xe trong những trường hợp:

- 1.1 Đâm va, lật đổ, rơi toàn bộ xe;
- 1.2 Hỏa hoạn, cháy, nổ;
- 1.3 Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên: bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần;
- 1.4 Mất cắp, mất cướp toàn bộ xe;
- 1.5 Tai nạn rủi ro bất ngờ khác ngoài những điểm loại trừ quy định tại Điều 17 dưới đây.

Ngoài ra, BIC còn thanh toán những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh trong tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm nhằm:

- 2.1 Ngăn ngừa, hạn chế tổn thất phát sinh thêm khi xe bị thiệt hại do các nguyên nhân trên;
- 2.2 Chi phí bảo vệ và đưa xe thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất;
- 2.3 Chi phí giám định để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất với điều kiện việc giám định này được sự đồng ý của BIC.

Điều 17: Không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm

1. Các loại trừ quy định tại Điều 9 Chương I.
2. Hao mòn do sử dụng, lão hóa, mất giá, hỏng hóc do khuyết tật hoặc tổn thất thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (gồm cả chạy thử).
3. Hư hỏng về điện hoặc các bộ phận thiết bị, máy móc mà không phải do tai nạn đã nêu ở Điều 16 trên đây.
4. Hư hỏng hay tổn thất cho xe cơ giới (bao gồm cả thiết bị chuyên dùng) mà không phải do tai nạn nói ở Điều 16 trên đây.
5. Tổn thất đối với sẫm lốp, tấm ốp trang trí bánh xe, nhãn mác, đề can xe trừ trường hợp tổn thất này xảy ra do cùng nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một tai nạn.
6. Mất cắp bộ phận xe.
7. Xe bị thiệt hại sau khi sửa chữa trung, đại tu hoặc cải tạo mới theo quy định phải đăng kiểm lại mà chưa đi đăng kiểm lại theo quy định của Nhà nước.
8. Mọi tổn thất về điện hoặc động cơ do xe hoạt động trong vùng/đường đang bị ngập nước.
9. Xe bị tổn thất do sự trưng dụng của Chính quyền hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
10. Xe bị mất do hành động lừa đảo, chiếm dụng, tranh chấp dân sự.

11. Các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp trừ khi có thỏa thuận bổ sung bảo hiểm cho phần giá trị thiết bị lắp ráp thêm và phải nêu rõ trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
12. Những vụ tổn thất dưới 500.000 đồng.

Điều 18: Số tiền bảo hiểm

Số tiền bảo hiểm (giá trị tham gia bảo hiểm) là số tiền mà chủ xe yêu cầu BIC bảo hiểm cho chiếc xe của mình.

Giá trị xe do chủ xe và BIC thỏa thuận theo giá trị thực tế của xe trên thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm. Chủ xe có thể lựa chọn bảo hiểm cho xe bằng hoặc thấp hơn giá trị thực tế của xe để được bồi thường theo quy định ở Điều 20 dưới đây.

Điều 19: Mức miễn thường

Mức miễn thường không khấu trừ hoặc có khấu trừ là số tiền được ấn định trên Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Mức miễn thường không khấu trừ là giá trị mỗi và mọi tổn thất bộ phận xảy ra dưới mức tiền này thì Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu. Trường hợp giá trị tổn thất lớn hơn số tiền này thì BIC sẽ thanh toán toàn bộ giá trị tổn thất trong phạm vi đơn bảo hiểm.

Mức miễn thường có khấu trừ (mức khấu trừ) là khoản tiền Người được bảo hiểm bằng các chi phí của mình phải tự gánh chịu/sửa chữa trong mỗi và mọi tổn thất bộ phận của xe xảy ra, trong trường hợp xảy ra sự cố.

BIC không bồi thường các khoản mức miễn thường được kê khai trong Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm đối với mỗi tổn thất sau khi đã áp dụng tất cả các điều kiện, điều khoản của Hợp đồng bao gồm cả điều khoản tỷ lệ, khấu hao.

Điều 20: Bồi thường tổn thất

Trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, BIC có quyền lựa chọn hình thức thanh toán chi phí thực tế để sửa chữa, thay thế (nếu không thể sửa chữa được) bộ phận bị tổn thất, hoặc trả bằng tiền cho chủ xe để bù đắp tổn thất trên cơ sở xác định được chi phí sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả.

Trong quá trình sửa chữa xe được bảo hiểm, nếu phải thay thế mới bộ phận thì số tiền bồi thường cho việc thay thế bộ phận đó tối đa không vượt quá giá trị thực tế của bộ phận đó ngay trước khi xe bị tổn thất (trừ khi có thỏa thuận khác).

1. Bồi thường tổn thất bộ phận:

- 1.1. Trường hợp xe tham gia bảo hiểm toàn bộ xe:
 - 1.1.1. Nếu xe tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị thực tế của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm thì BIC bồi thường trên cơ sở chi phí thực tế sửa chữa, khắc phục tổn thất.
 - 1.1.2. Nếu xe tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm dưới giá trị thực tế tại thời điểm tham gia bảo hiểm thì số tiền bồi thường được tính theo thiệt hại thực tế nhân với tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm.
- 1.2. Trường hợp xe tham gia bảo hiểm thân vỏ xe:

- 1.2.1. Nếu xe tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị thực tế của thân vỏ xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm thì BIC bồi thường trên cơ sở chi phí thực tế sửa chữa, khắc phục tổn thất của thân vỏ xe.
- 1.2.2. Nếu xe tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm dưới giá trị thực tế tại thời điểm tham gia bảo hiểm thì số tiền bồi thường được tính theo thiệt hại thực tế nhân với tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của thân vỏ xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm.
- 1.3. BIC bồi thường toàn bộ chi phí sơn lại xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tai nạn gây ra theo cách tính bồi thường tại Điểm 1.1 và 1.2 Điều 20.
2. ***Bồi thường tổn thất toàn bộ thực tế hoặc ước tính*** (xe bị tai nạn được coi là tổn thất toàn bộ ước tính khi giá trị sửa chữa bằng hoặc trên 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất):
 - 2.1. Nếu số tiền bảo hiểm trên giá trị thực tế của xe thì BIC sẽ bồi thường cho chủ xe bằng giá trị thực tế của xe cùng loại, cùng thông số kỹ thuật trên thị trường tại thời điểm xảy ra tổn thất.
 - 2.2. Nếu số tiền bảo hiểm bằng hoặc dưới giá trị thực tế của xe cùng loại trên thị trường tại thời điểm xảy ra tổn thất thì BIC sẽ bồi thường cho chủ xe bằng số tiền bảo hiểm đã ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
 - 2.3. Trường hợp quá 60 (sáu mươi) ngày mà xe bị mất cắp, mất tích, bị cướp không tìm được (có kết luận của cơ quan chức năng):

BIC sẽ bồi thường cho chủ xe toàn bộ số tiền bảo hiểm đã ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm nhưng không vượt quá giá trị của chiếc xe cùng loại, cùng thông số kỹ thuật trên thị trường tại thời điểm xác nhận chiếc xe đó bị mất.

CHƯƠNG III

BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Điều 21: Đối tượng bảo hiểm

Lái xe, phụ xe và những người khác được chở trên xe cơ giới (gọi chung là Người được bảo hiểm).

Điều 22: Phạm vi bảo hiểm

Người được bảo hiểm bị thiệt hại về thân thể do tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe tham gia giao thông.

Điều 23: Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

1. Các loại trừ quy định tại Điều 9 Chương I.
2. Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau trừ trường hợp được xác nhận là hành động tự vệ chính đáng.
3. Người được bảo hiểm bị cảm đột ngột, trúng gió, bệnh tật (bao gồm cả bệnh truyền nhiễm), ngộ độc thức ăn, đồ uống, sử dụng thuốc không đúng chỉ dẫn của cơ quan y tế.

Điều 24: Quyền lợi bảo hiểm

1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị chết do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: BIC trả toàn bộ Số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm:
 - 2.1 Số tiền bảo hiểm trên 50 (năm mươi) triệu đồng/người/vụ.
 - 2.1.1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: BIC chi trả tiền bảo hiểm theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật ban hành theo Quyết định số 0337/QĐ-PHH ngày 24/01/2011 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV.
 - 2.1.2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật tạm thời do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, BIC chi trả tiền bảo hiểm theo chi phí thực tế hợp lý bao gồm chi phí cấp cứu, chi phí điều trị, chi phí bồi dưỡng trong thời gian điều trị (mỗi ngày 0,1% số tiền bảo hiểm, không quá 180 ngày/vụ tai nạn). Tổng số tiền chi trả cho các khoản chi phí nêu trên không vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật ban hành theo Quyết định số 0337/QĐ-PHH ngày 24/01/2011 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV.
 - 2.2 Số tiền bảo hiểm bằng hoặc dưới 50 (năm mươi) triệu đồng/người/vụ: Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: BIC chi trả tiền bảo hiểm theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật ban hành theo Quyết định số 0337/QĐ-PHH ngày 24/01/2011 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV.
3. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm thì mức trả tiền bảo hiểm sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số người được bảo hiểm với số người thực tế trên xe.
4. Trường hợp tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, trong vòng một năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm bị chết do hậu quả của tai nạn đó: BIC sẽ trả phần chênh lệch giữa số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm với số tiền bảo hiểm đã trả trước đó.
5. Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc sự tàn tật có sẵn của Người được bảo hiểm hoặc điều trị thương tật thân thể không kịp thời và không theo chỉ dẫn của cơ sở y tế thì BIC chỉ trả tiền bảo hiểm như đối với loại thương tật tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.
6. Trẻ em dưới 07 tuổi được thanh toán 50% số tiền bảo hiểm theo những nguyên tắc trả tiền bồi thường trên đây.

Điều 25: Trả tiền bảo hiểm

Tiền bảo hiểm được trả cho Người được bảo hiểm, người đại diện, người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.

CHƯƠNG IV

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN TRÊN XE

Điều 26: Phạm vi bảo hiểm

1. BIC nhận bảo hiểm Trách nhiệm dân sự của chủ xe phải bồi thường cho chủ hàng về những tổn thất hàng hóa vận chuyển trên xe theo quy định của Bộ Luật dân sự và các quy định khác của pháp luật trong những trường hợp xe bị: Đâm va, lật, đổ, rơi; chìm; hoả hoạn, cháy, nổ; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào;
Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên: Bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần;
2. Ngoài ra, BIC còn thanh toán cho chủ xe các chi phí cần thiết, hợp lý nhằm:
 - 2.1. Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất thêm cho hàng hóa;
 - 2.2. Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hóa trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn;
 - 2.3. Giám định tổn thất thuộc trách nhiệm của BIC;

Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường của BIC (bao gồm cả các chi phí trên) không vượt quá mức trách nhiệm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

3. BIC mở rộng phạm vi bồi thường trong trường hợp hàng hóa của chính chủ xe.

Điều 27: Không thuộc phạm vi bảo hiểm

Ngoài những điểm loại trừ tại Điều 9 Chương I của Quy tắc này, BIC không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về hàng hóa trong những trường hợp sau:

1. Lái xe, chủ xe hoặc người đại diện của chủ xe thiếu trách nhiệm trong việc trông coi, bảo quản hàng hóa.
2. Xe không thích hợp với loại hàng chuyên chở.
3. Hàng bị thiếu, mất cắp, trộm cướp (trừ trường hợp mất hàng hóa cùng với mất cắp, mất cướp toàn bộ xe), sai thể loại, quy cách, sai mã ký hiệu
4. Hàng hoá lưu thông trái phép; Hàng bị cơ quan kiểm soát Nhà nước thu giữ, bắt giữ hoặc bị hư hỏng do chậm trễ, trừ chậm trễ do tai nạn.
5. Hàng hóa hư hỏng tự nhiên, hư hỏng do không đủ phẩm chất, do bao bì đóng gói, chất xếp hàng không đúng theo yêu cầu kỹ thuật. Hư hỏng do bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe đâm va, lật đổ.
6. Giao hàng chậm trễ, giao hàng không đúng người nhận; giao thiếu, sai thể loại, sai quy cách, sai mã ký hiệu.
7. Khấu trừ bồi thường 0,5% mức trách nhiệm bảo hiểm mà chủ xe đã tham gia và tối thiểu không thấp hơn 500.000 đồng/vụ (chủ xe tự chịu một phần thiệt hại).
8. Những loại hàng hóa không xác định được giá trị như thi hài, hài cốt, bản vẽ hay tài liệu thiết kế...

Điều 28: Hàng hóa đặc biệt

Các loại hàng hóa sau đây chỉ được bảo hiểm với điều kiện chủ xe có Hợp đồng thỏa thuận riêng với BIC:

1. Kim loại quý, đá quý (dạng nguyên thủy hoặc đã tinh chế).
2. Đồ cổ, tranh, tượng nghệ thuật
3. Tiền, các loại ấn chỉ, hóa đơn, giấy tờ có giá trị như tiền.
4. Súc vật.

Điều 29: Giá trị hàng hóa vận chuyển

Giá trị hàng hóa vận chuyển được tính tại thời điểm trước khi đưa hàng lên xe và không vượt quá giá trị thực tế trên thị trường tại nơi đưa hàng lên xe vào thời điểm xảy ra thiệt hại.